TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẠCH THÔNG** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 05/2018/QĐST-HNGĐ	*Bạch Thông, ngày 06 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2018/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018, giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Đào Duy Th, sinh năm 1985.

Trú tại: Xóm 8, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Chị Nông Thị H, sinh năm 1992.

Trú tại: Thôn 3, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đào Duy Th, sinh năm 1985 và chị Nông Thị H, sinh năm 1992.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đào Duy Th và chị Nông Thị H thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Anh Đào Duy Th và chị Nông Thị H thỏa thuận giao con chung là Đào Bảo M, sinh ngày 27/5/2014 *(Con khỏe mạnh, phát triển bình thường)* cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 *(Mười tám)* tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về án phí:* Áp dụng Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Th tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* mà anh Th đã nộp theo biên lai số 08828, ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Anh Th được trả lại số tiền án phí chênh lệch là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Chị H không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Bạch Thông (02b);
- Chi cục THA huyện B (01b);
- Đương sự (02b);
- UBND xã S (01b);
- Lưu.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Triệu Thị Huyền